

Số: 1105/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn,
xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II
và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư
của Chương trình 135 giai đoạn II**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách 12 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu của 7 tỉnh vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II (Phụ lục I kèm theo Quyết định này) để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình từ kế hoạch năm 2009 do ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư.

Điều 2.

1. Các xã Cư Klông, Ea Tam và Ea Trang huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang được phê duyệt vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2008 đã có tên trong Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006, ngân sách trung ương chỉ phân bổ vốn một lần theo định mức hiện hành.

2. Đính chính tên xã Sính Phình huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai tại Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2008 thành xã Sính Phìn huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai.

Điều 3.

1. Phê duyệt bổ sung danh sách 3 xã của 2 tỉnh Cao Bằng và tỉnh Bình Định (Phụ lục II kèm theo Quyết định này) hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II từ năm 2009.

Không giảm trừ kinh phí đã bố trí trong dự toán ngân sách địa phương năm 2009 của tỉnh Cao Bằng và tỉnh Bình Định. Số kinh phí không giảm trừ được tiếp tục sử dụng để thực hiện các dự án của các xã trong diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

2. Những thôn, bản đặc biệt khó khăn của các xã hoàn thành mục tiêu, thoát khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II được xét đưa vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II từ năm 2009.

Giao Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định phê duyệt danh sách cụ thể sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 4. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là hộ nghèo), người thuộc hộ nghèo, học sinh, cán bộ, công chức, sĩ quan quân đội, công an đang công tác tại các xã có tên trong Phụ lục II kèm theo Quyết định này được thụ hưởng chính sách như đối với các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II đến hết năm 2010.

Điều 5.

1. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các địa phương thực hiện và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho xã thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II theo đúng quy định hiện hành.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí hỗ trợ có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có xã đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của các Chương trình.

3. Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan căn cứ Điều 2 Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 để tổ chức thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ giao.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có xã thuộc diện đầu tư của Chương trình chỉ đạo lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng mục đích, đối tượng, nội dung hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). A. **240**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'HỘI ĐỒNG CHÍNH SÁCH QUỐC GIA' and 'PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ'. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Sinh Hùng



Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC XÃ BỔ SUNG VÀO DIỆN ĐẦU TƯ
CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/huyện	Tên xã	Phân loại ngân sách		Ghi chú
			Trung ương hỗ trợ đầu tư	Địa phương	
	Tổng số	12	12	0	
1	Sơn La	2	2	0	
	1. Bắc Yên	Hua Nhân	x		Xã mới chia tách
		Háng Đồng	x		Xã mới chia tách
2	Lai Châu	2	2	0	
	1. Mường Tè	Nậm Mạnh	x		Xã mới chia tách
	2. Tam Đường	Giang Ma	x		Xã mới chia tách
3	Quảng Ngãi	1	1	0	
	1. Tây Trà	Trà Nham	x		Xã khu vực III
4	Đắk Nông	1	1	0	
	1. Đắk Song	Thuận Hà	x		Xã mới chia tách (BG)
5	Đắk Lắk	4	4	0	
	1. Ea Kar	Ea Sar	x		Xã mới chia tách
	2. M'Dắk	Cư San	x		Xã mới chia tách
	3. Krông Búk	Ea Sin	x		Xã mới chia tách
	4. Ea Súp	Ea Bung	x		Xã biên giới
6	Nghệ An	1	1	0	
	1. Tương Dương	Nga My	x		Xã khu vực III
7	Yên Bái	1	1	0	
	1. Nghĩa Lộ	Nghĩa Lợi	x		Xã khu vực III



Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC XÃ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU
CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2006 - 2010
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/huyện	Tên xã	Phân loại ngân sách		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
	Tổng số	3	3	0	
1	Cao Bằng	2	2	0	
	1. Hòa An	Lê Trung	x		
	2. Trà Lĩnh	Quang Hán	x		
2	Bình Định	1	1	0	
	1. Vĩnh Thạnh	Vĩnh Hiệp	x		